

An Giang, ngày 01 tháng 11 năm 2022

Số: 11-TVHD/ĐKTTVAG-DB

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN HẠN DÀI
TỈNH AN GIANG
(Tháng 11/2022, từ ngày 01/11 đến ngày 30/11/2022)**

1. Nhận xét tình hình thủy văn tháng 10/2022 (Từ ngày 01÷31/10/2022)

Trong tháng 10/2022, mực nước thượng nguồn sông Mekong khu vực từ dưới Kratie xuống chậm. Mực nước cao nhất tháng tại Kratie ở mức cao hơn khoảng 2.21m so với cùng kỳ 2021 và cao hơn so với cùng kỳ trung bình nhiều năm (TBNN) khoảng 2.99m; các trạm dưới Kratie, mực nước cao nhất tháng ở mức cao hơn từ 1.00-1.90m so với cùng kỳ 2021, ở mức xấp xỉ và cao hơn cùng kỳ TBNN từ 0.70-1.20m.

Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long tại Tân Châu, Khánh An, Châu Đốc và vùng hạ lưu sông, do ảnh hưởng lượng nước lũ thượng nguồn sông Mekong kết hợp kỳ triều cường Rằm tháng Chín (Âm Lịch) nên mực nước tại các trạm lên nhanh và đạt giá trị cao nhất năm từ ngày 11-12/10, sau đó xuống dần, mực nước thấp nhất tại các trạm xuất hiện trong tuần cuối tháng; mực nước cao nhất và thấp nhất tháng đều ở mức cao hơn từ 0.40-1.60m.

Mực nước cao nhất năm trên sông Hậu tại Khánh An đạt mức 4.59m, ở mức dưới BĐII 0.11m; trên sông Tiền tại Tân Châu, mực nước cao nhất tháng đạt mức 3.64m, trên BĐI 0.14m; trên sông Hậu tại Châu Đốc, mực nước đạt mức 3.34m, dưới BĐII 0.16m.

Vùng hạ lưu sông, mực nước cao nhất tháng trên sông Hậu tại Long Xuyên đạt mức 2.78m, trên BĐIII 0.28m; trên rạch Ông Chương tại Chợ Mới đạt mức 3.02m, trên BĐIII 0.02m; trên sông Vàm Nao tại Vàm Nao đạt mức 3.09m, trên BĐII 0.19m.

Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX), do ảnh hưởng triều cường và lượng mưa lớn nội vùng nên mực nước trên các kênh, rạch trong khu vực dâng cao và đạt giá trị cao nhất năm trong những ngày giữa và cuối tháng, mực nước thấp nhất xuất hiện trong ngày đầu tháng; mực nước cao nhất và thấp nhất tháng ở mức cao hơn so với cùng kỳ 2021 từ 0.40-1.30m.

Mực nước cao nhất tháng trên kênh Vĩnh Tế tại Xuân Tô ở mức dưới BĐII 0.21m, trên kênh Tri Tôn tại Tri Tôn ở mức trên BĐI 0.16m, trên kênh Tri Tôn tại Cô Tô ở mức trên BĐII 0.07m, trên kênh Tám Ngàn tại Lò Gạch ở mức trên BĐI 0.03m, trên kênh Ba Thê tại Vọng Thê dưới BĐII 0.07m, trên kênh Núi Chóc-Năng Gù tại Vĩnh Hanh dưới BĐIII 0.16m, trên kênh Rạch Giá-Long Xuyên tại Núi Sập dưới BĐII 0.07m.

2. Dự báo thủy văn tháng 11/2022 (Từ ngày 01÷30/11/2022)

Trong tháng 11/2022, mực nước tại các trạm trên lưu vực sông Mekong có xu thế tiếp tục xuống. Tổng lượng dòng chảy sông Mekong về đầu nguồn sông Cửu Long qua Tân Châu, Châu Đốc có khả năng ở mức tương đương và cao hơn so với TBNN từ 15-25%.

Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long tại Tân Châu, Khánh An, Châu Đốc và vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới và Long Xuyên, mực nước cao nhất tháng có khả năng xuất hiện trong ngày đầu tháng, mực nước thấp nhất xuất hiện trong tuần cuối tháng; mực nước cao nhất và thấp nhất tháng đều ở mức cao hơn từ 0.05-0.75m.

Vùng hạ lưu sông trên sông Hậu tại Long Xuyên, mực nước cao nhất tháng có khả năng ở mức xấp xỉ BĐII; trên sông Vàm Nao tại Vàm Nao ở mức trên BĐI từ 0.05-0.10m; trên rạch Ông Chưởng tại Chợ Mới ở mức tương đương BĐII.

Khu vực nội đồng TGLX, mực nước trên các kênh, rạch trong khu vực có khả năng đạt giá trị cao nhất trong tuần đầu tháng, mực nước thấp nhất xuất hiện vào tuần cuối tháng; mực nước cao nhất và thấp nhất tháng đều ở mức cao hơn từ 0.10-1.05m so với cùng kỳ 2021. Trên kênh Tri Tôn tại Cô Tô, mực nước cao nhất tháng có khả năng ở mức tương đương BĐII; trên kênh Núi Chóc-Năng Gù tại Vĩnh Hanh ở mức trên BĐII từ 0.05-0.10m; trên kênh Ba Thê tại Vọng Thê và trên kênh Rạch Giá-Long Xuyên tại Núi Sập ở mức dưới BĐII từ 0.05-0.15m.

3. Bảng số liệu mực nước thực đo và dự báo:

STT	Trạm	sông, kênh, rạch	Đặc trưng	Mực nước (H) thực đo từ ngày 01/10 đến ngày 31/10			Mực nước (H) dự báo từ ngày 01/11 đến ngày 30/11		
				Ngày xuất hiện	Trị số H (m)	So với cùng kỳ 2021	Ngày xuất hiện	Trị số H (m)	So với cùng kỳ 2021
1	Tân Châu	Tiền	Max	11/10	3.64	0.85	01/11	2.84	0.22
			Min	31/10	2.46	0.87	30/11	1.75	0.75
2	Chợ Mới	Ông Chưởng	Max	12/10	3.02	0.59	12/11	2.51	0.09
			Min	31/10	1.69	0.82	30/11	0.95	0.29
3	Khánh An	Hậu	Max	12/10	4.59	0.98	01/11	3.91	0.59
			Min	31/10	3.89	1.61	30/11	2.45	0.47
4	Châu Đốc	Hậu	Max	12/10	3.34	0.77	01/11	2.74	0.18
			Min	31/10	2.36	1.08	30/11	1.50	0.54
5	Long Xuyên	Hậu	Max	12/10	2.78	0.43	12/11	2.49	0.05
			Min	31/10	1.37	0.83	30/11	0.65	0.13
6	Vàm Nao	Vàm Nao	Max	12/10	3.09	0.58	12/11	2.56	0.07
			Min	31/10	1.86	0.85	30/11	1.15	0.42
7	Xuân Tô	Vĩnh Tế	Max	15/10	3.29	1.27	01/11	2.96	1.04
			Min	01/10	2.33	1.27	30/11	1.60	0.53
8	Vĩnh Gia	Vĩnh Tế	Max	24/10	1.83	0.68	01/11	1.76	0.58
			Min	01/10	1.40	0.81	30/11	0.75	0.17
9	Tri Tôn	Tri Tôn	Max	15/10	2.16	0.79	01/11	2.01	0.65

STT	Trạm	sông, kênh, rạch	Đặc trung	Mức nước (H) thực đo từ ngày 01/10 đến ngày 31/10			Mức nước (H) dự báo từ ngày 01/11 đến ngày 30/11		
				Ngày xuất hiện	Trị số H (m)	So với cùng kỳ 2021	Ngày xuất hiện	Trị số H (m)	So với cùng kỳ 2021
			Min	01/10	1.70	0.84	30/11	1.22	0.38
10	Cô Tô	Tri Tôn	Max	28/10	1.87	0.50	01/11	1.80	0.45
			Min	01/10	1.55	0.66	30/11	1.05	0.09
11	Lò Gạch	Tám Ngàn	Max	26/10	1.73	0.63	01/11	1.70	0.56
			Min	01/10	1.31	0.76	30/11	0.95	0.37
12	Vọng Thê	Ba Thê	Max	26/10	1.87	0.48	01/11	1.77	0.36
			Min	01/10	1.59	0.68	30/11	1.20	0.18
13	Vĩnh Hanh	Núi Chóc Năng Gù	Max	13/10	2.54	0.66	01/11	2.28	0.46
			Min	01/10	2.07	0.94	30/11	1.50	0.42
14	Núi Sập	Rạch Giá Long Xuyên	Max	25/10	1.87	0.41	01/11	1.72	0.30
			Min	01/10	1.51	0.70	30/11	1.15	0.23

Tin phát lúc 16h00' ngày 01/11/2022

Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

DBV Thủy văn: Phan Minh Đạt

Huỳnh Nguyễn Khánh Loan